

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm: 2025

(Kèm theo Thông báo xét duyệt (hoặc thẩm định) quyết toán số ngày/...../.....)

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THPT CẨM LỆ

Chương: 422

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
400	DOANH THU	18.788.385.109	18.788.385.109	
411	Doanh thu từ kinh phí hoạt động NSNN cấp	18.761.184.778	18.761.184.778	
412	Doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài			
413	Doanh thu từ phí được khấu trừ, để lại			
414	Doanh thu tài chính	676.331	676.331	
415	Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ			
416	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	26.524.000	26.524.000	
417	- Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu	26.524.000	26.524.000	
418	- Doanh thu kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ NSNN			
419	Thu nhập khác			
450	CHI PHÍ	20.111.669.053	20.111.669.053	
451	Chi phí hoạt động không giao tự chủ	2.879.483.216	2.879.483.216	
452	Chi phí hoạt động giao tự chủ			
453	Chi phí tài chính	250.000	250.000	
454	Giá vốn hàng bán			
455	Chi phí bán hàng			
456	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ	17.231.935.837	17.231.935.837	
457	Chi phí khác			
458	Chi phí tài sản bàn giao			
460	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	1.396.000	1.396.000	
500	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	(1.324.679.944)	(1.324.679.944)	
510	ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DO CHI PHÍ GHI NHẬN NĂM NAY NHƯNG DOANH THU ĐÃ GHI NHẬN NĂM TRƯỚC	1.639.670.788	1.639.670.788	
520	THẶNG DƯ/THÂM HỤT TRONG NĂM	314.990.844	314.990.844	
521	- Các khoản phân phối vào quỹ thuộc đơn vị			
522	- Nguồn kinh phí mang sang năm sau	107.648.022	107.648.022	
525	- Thặng dư không phân phối/thâm hụt chuyển sang năm sau	207.342.822	207.342.822	